

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/9/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất và ông Trần Văn Ân.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 223/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2022, về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1993. Cư trú: Tổ 11, ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: Tổ 11, ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Cư trú: Số nhà 13/4, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay bà Đặng Thị T trình bày:**

Bà và ông Đỗ Văn Đ tự nguyện yêu thương chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/7/2012.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng chung sống không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ thiếu sự quan tâm

chăm sóc đến gia đình. Ông Đ có đi làm nhưng không đưa tiền cho bà T để nuôi con, suốt bao năm nay một mình bà lo gồng gánh kinh tế, nuôi dạy con cái. Từ tháng 01/2022 thì ông Đ tự ý bỏ về nhà mẹ ruột tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai để sinh sống, rất ít khi về thăm nom con cái, mặc nhiên mọi việc trong nhà để tự bà xoay sở và ông bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Đã nhiều lần bà T thuyết phục ông Đ thay đổi tính cách lo làm ăn để cùng bà nuôi dạy hai con nhưng không được, ông Đ vẫn chứng nào tật đó. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân như vậy không có hạnh phúc, không có tiếng nói chung, tình cảm dành cho nhau không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Đỗ Ngọc Thùy L, sinh ngày 23/02/2014 và Đỗ Tiến P, sinh ngày 24/9/2016 và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

*** Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay ông Đỗ Văn Đ trình bày ý kiến:**

Quá trình đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà Đặng Thị T trình bày đúng.

Ông Đ thừa nhận cuộc sống chung giữa ông và bà T có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng có cãi vã lẫn nhau do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Vào tháng 01/2022 vợ chồng ông bà có xảy ra cãi vã nên ông đã bỏ về nhà mẹ ruột tại xã Bắc Sơn để sinh sống và từ đó vợ chồng sống ly thân với nhau. Ông cũng thừa nhận là từ trước đến nay do có nhiều vấn đề liên quan đến việc riêng của ông nên ông có đi làm nhưng không đưa tiền cho bà T nuôi con. Mọi việc trong gia đình thì bà T tự chi tiêu ông không biết. Ông vẫn còn tình cảm với bà T, ông không muốn ly hôn do không muốn các con phải sống thiếu cha thiếu mẹ, ông xin bà T cho ông cơ hội sửa sai để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông. Nay, ông không đồng ý ly hôn với bà T, Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong trường hợp ly hôn ông Đ yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Đỗ Ngọc Thùy L, sinh ngày 23/02/2014 và Đỗ Tiến P, sinh ngày 24/9/2016 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Đ khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ khai không có.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về Đ lổi giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Đặng Thị T. Cho bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Đỗ Văn Đ.

Về con chung: Giao cho bà T nuôi dưỡng hai con chung là cháu Đỗ Ngọc Thùy L, sinh ngày 23/02/2014 và Đỗ Tiến P, sinh ngày 24/9/2016. Ông Đỗ Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí buộc bà Đặng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí liên quan đến cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Đặng Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của bà với ông Đỗ Văn Đ và giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T và ông Đỗ Văn Đ là hợp pháp, vì lấy nhau tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 8 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của bà T thì thấy: Bà T và ông Đ đều thống nhất: Trong cuộc sống hôn nhân có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Ông, bà không tìm được tiếng nói chung, không thể chung sống hòa thuận. Từ tháng 01/2022 thì ông bà đã không còn sống chung với nhau, việc yêu thương, quan tâm đến cuộc sống của nhau không còn, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Từ trước đến nay, mọi việc trong gia đình đều một mình bà T tự lo lắng, xoay xở, ông Đ có đi làm nhưng không đưa tiền phụ bà T nuôi con. Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn của bà T và

ông Đ theo kết quả cung cấp thông tin của UBND xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 22/6/2022 thể hiện: Bà T, ông Đ chung sống không hạnh phúc, hiện đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2022. Điều này phù hợp với lời trình bày của bà T, ông Đ. Bên cạnh đó, qua ý kiến của các đương sự, tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu thập được thể hiện mâu thuẫn của bà T, ông Đ là có thật đã xảy ra trong thời gian dài.

Đối với ý kiến của ông Đ về quan hệ hôn nhân ông không đồng ý ly hôn vì bà T cho rằng mình còn thương bà T và các con, không muốn gia đình tan vỡ, nhưng tại phiên tòa ông lại thừa nhận vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn về tình cảm cũng như về kinh tế, mọi việc trong gia đình từ kinh tế đến chăm sóc con cái ông đều để một mình bà T tự xoay xở, điều này thể hiện vợ chồng bà T, ông Đ không còn sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà T và ông Đ đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ly hôn với ông Đ.

2.3. Về con chung:

Xét yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung của bà T thì thấy: Bà T, ông Đ đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2022, hai con chung cháu Đỗ Ngọc Thùy L, sinh ngày 23/02/2014 và Đỗ Tiến P, sinh ngày 24/9/2016 đang được bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng từ khi sống ly thân đến nay, và kể cả trước đây khi ông bà chưa sống ly thân thì mọi việc chăm sóc, lo lắng, kinh tế cho con cái đều do bà T đảm nhận, chính ông Đ cũng thừa nhận vấn đề này. Tại Biên bản xác minh về điều kiện nuôi con ngày 22/6/2022 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai thể hiện: Bà T hiện có nhà ở, có công việc ổn định, từ trước đến nay nuôi con đảm bảo về mọi mặt. Bản thân cháu Đỗ Ngọc Thùy L cũng có nguyện vọng được ở với bà T. Ông Đ cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, tuy nhiên từ trước đến nay ông Đ đi làm nhưng không đóng góp tiền để nuôi nấng, chăm sóc cho con cái mà chỉ tiêu vào việc riêng cá nhân ông. Ông cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập của ông. Hơn nữa hiện các con đang ở ổn định với bà T nên để tránh ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà T. Bà T không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T. Cho bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Đỗ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Đặng Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Ngọc Thùy L, sinh ngày 23/02/2014 và Đỗ Tiến P, sinh ngày 24/9/2016. Tạm thời ông Đỗ Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của ông Đỗ Văn Đ.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đặng Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000700 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

6. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, ngày ĐKKH 26/7/2012
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Như Quỳnh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

Vũ Xuân Tuất

Trần Văn Ân

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Như Quỳnh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, ngày ĐDKKH 26/7/2012
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Như Quỳnh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại: Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất và ông Doãn Đức Hùng.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 162/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn Luyện, sinh năm 1971.

Trú tại: Số 2786, Quốc lộ 1A, ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ Tiên, sinh năm 1983.

Trú tại: Số 2786, Quốc lộ 1A, ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Luyến, chị Tiên đều mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các bên là “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn Luyến. Cho anh Đỗ Văn Luyến được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ Tiên.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ Tiên được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Nguyễn Hoàng Nhi, sinh ngày 11/7/2003 và Đỗ Nguyễn Tấn Tài, sinh ngày 05/3/2007.

Anh Luyến có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Tiên 4.000.000 đồng (Bốn triệu)/01 tháng/01 cháu, để nuôi 02 con chung là Đỗ Nguyễn Hoàng Nhi và Đỗ Nguyễn Tấn Tài, kể từ 07/9/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của anh Luyến.

Kể từ chị Nguyễn Thị Mỹ Tiên có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu anh Đỗ Văn Luyến chậm trả tiền thì anh Luyến còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy

định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Văn Luyến phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Luyến đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 001401 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh Luyến còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Các vấn đề khác:

Về quyền kháng cáo: Anh Luyến, chị Tiên có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc lúc 10 giờ 15 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

